

Học và Hành thời Hán Học

Đặng vũ Nhuế

(tiếp theo)

Thi Hội Thi Đình

Thi Hội là cuộc thi triều-đình tổ-chức cho dân toàn quốc (bởi thế có chữ Hội), tổ-chức ở kinh-đô, tức ở Hà Nội, và dưới triều Nguyễn, ở Huế. Ai muốn đi thi cũng phải vào Huế. Đường cái quan Hà Nội Huế dài khoảng 650 cây số, Sài-gòn-Huế dài hơn 1.000 cây số. Ngày xưa không có ô-tô, xe lửa và tàu bay, người đi thi đi bộ hay đi thuyền, cả tháng mới tới nơi. Lệ là 3 năm có một khoa, năm trước thi Hương thì năm sau thi Hội thi Đình. Tuy vậy, cũng như thi Hương, lệ 3 năm một khoa không giữ đều, vì có những khoa đặc-biệt, gọi là ân-khoa, mở ra khi vua mới lên ngôi, hay trong họ hàng nhà vua có điều vui mừng gì. Thi Hội cũng là thi loại, người đủ điểm không được phát bằng cấp gì, nhưng được vào trong cung vua để thi (cho nên gọi là thi Đình), lấy chức tiến-sĩ, phó-bảng. Cấp phó-bảng được đặt ra dưới triều Minh-Mạng, trước kia không có. Muốn được thi Hội phải có cử - nhân, hoặc chỉ đậu tú-tài nhưng có đủ một số điều-kiện khác về tuổi tác, chức tước, phẩm hàm và thành-phần của ông cha (Tôn Thất ...) Đặc-điểm của thi Đình là chỉ thi trong một ngày, viết bài trả lời độ 20 câu hỏi về việc nước. Thời giờ ít, cho nên được phép viết thảo, không cần nắn nót cho chữ được đẹp, được vuông vắn, các nét được ngang bằng số ngay. Thi Đình như là thi vấn đáp của người Pháp, nhưng xưa ta không thi vấn đáp, vì người chấm bài cho điểm không được biết mặt người đi thi, để tránh nạn thiên vị. Tiến-sĩ có thể coi là tương-đương với người tốt-nghiệp trường "Quốc-Gia Hành-Chánh" ở Pháp ngày nay. Tại Pháp, đại-đa-số các công-chức cao cấp, các đồng-lý văn-phòng, cố-vấn các bộ, các tổng-

trưởng, bộ-trưởng, tỉnh-trưởng (préfet) quận-trưởng (sous-préfet) đều ở trường này mà ra. Khác với tiến-sĩ của ta chỉ là về phương-diện "khoa-học chính-trị", gồm cả kinh-tế tài-chính, ngày nay tinh-vi hơn ngày xưa, bất cứ ở nước nào. Muốn đậu phải biết nhiều hiểu rộng, khôn ngoan tháo vác, và biện luận giỏi.

Bao Nhiêu Cử-Nhân, Bao Nhiêu Tiến-Sĩ Mỗi Khoa?



Lều chõng đi thi - En route vers le champ de concours

Lều chõng đi thi

Thi Hương là thi ở các địa-phương. Chữ "huong" có nghĩa là nơi quê hương của người đi thi. Dưới triều Nguyễn, khi Nam Bắc đã thống-nhất, vào giữa triều Tự-Đức và trước khi nước Pháp chiếm miền Nam, tại Việt Nam có 7 trường thi: Hà Nội và Nam-Định ở ngoài Bắc Thanh-hóa, Nghệ-an, Thừa-thiên, Bình-định ở miền Trung; và trường Gia-định ở trong Nam. Những năm 1852, 1855, 1858, cộng 7 trường thi, mỗi khoa triều-đình lấy 118 hay 119 cử-nhân.

Năm 1836, triều Minh-Mạng, lập xong số đình, số điền từ Bắc vào Nam, nước Việt Nam tổng cộng có 970 ngàn dân đình (đàn ông từ 18

đến 60 tuổi). Nhân với 5, thành độ 5 triệu đầu dân, kể cả nam nữ già trẻ. Nếu 20 năm sau tăng lên 20 phần trăm, dân số toàn quốc có lẽ là 6 triệu người. Chia cho số cử nhân mỗi khoa thi là khoảng 120 người, thì thấy rằng cứ 3 năm triều-đình lại lấy 1 cử-nhân cho 50 ngàn đầu dân, hay 10 ngàn dân đình (số tú-tài thì gấp 2, sau này gấp 3 số cử-nhân, lệ là vậy). Số tiến-sĩ lại còn ít hơn nữa:

- Trong 94 năm cuối cùng của triều Lê (1694-1787) tất cả chỉ có 373 tiến-sĩ, trung bình mỗi năm có 4 tiến-sĩ (373 chia cho 94 là 4, tính tròn). Tính theo số năm chứ không tính theo số khoa vì có các ân khoa.

- Triều Nguyễn, thời Gia-Long không thi tiến-sĩ (thi Hương thì 6 năm mới có 1 khoa).

- Từ năm 1822 (triều Minh-Mạng) cho đến năm 1919 (khoa thi Đình cuối cùng khi đã bị Pháp thuộc), trong 97 năm, tất cả triều Nguyễn chỉ có 292 tiến-sĩ và 262 phó-bảng, trung bình mỗi năm có: 3,0 tiến-sĩ và 2,7 phó bảng, cộng là 5,7 tính tròn 6 đại khoa mỗi năm (đậu thi Đình gọi là đại khoa). So với triều Lê, (4 đại khoa mỗi năm), như vậy là ít, vì lãnh-thổ nay đã thống nhất, từ Lạng-Sơn vào đến Cà-Mâu, tức dân đông hơn. Nhà Nguyễn không lấy Trạng-nguyên, mà cũng không muốn lấy nhiều tiến-sĩ nên đặt ra cấp Phó-bảng. Phải chăng vì ngại uy tín của kẻ mang danh tiến-sĩ, tựa như Hán Cao Tổ nói trên?

Còn số người đi thi so với số người đậu? Hiếm tài-liệu để trả lời câu hỏi này. Chỉ biết rằng năm 1897, ở trường thi Nam-định dành cho tất cả dân miền Bắc từ Ninh-bình trở ra (trường thi Hà Nội đã dẹp bỏ vì Hà Nội là nhượng-địa), có 12.000 người đi thi Hương, triều-đình lấy 80 cử nhân (2). Nghĩa là 150 người vác lều chõng đi thi, chỉ có 1 người đậu cử-nhân được mũ áo vua ban, 3 người đậu tú-tài, 146 người kia không được bằng cấp gì khác, ngoài dăm ba người được cái danh nhất, nhị, hay tam trường, buồn bã đi về làng, về nhà chẳng dám nhìn mặt bà hiền thê (thoát được vòng đầu được vào thi kỳ 2 gọi là nhất trường, thoát được thêm 1 vòng được vào thi kỳ 3 gọi là nhị trường v.v.) Dù sao những con số kê trên giúp ta hiểu tại sao những danh-từ cử -nhân, tiến-sĩ được dân Việt Nam trọng, và ngày nay

chính-quyền Việt Nam Xã Hội Chủ Nghĩa vẫn giữ, tuy chính quyền này ưa dùng các danh hiệu mới, có thể là vì muốn tăng-gia uy-tín của những người du học ở Liên Xô về. Nghe nói rằng phần nhiều những người này được du học chỉ vì đã có công trong cuộc cách mạng, hoặc là con cháu của các đảng-viên cao cấp, du học kiếm mảnh bằng "hữu nghị", rồi về nước làm quan to, có mảnh bằng để cho "danh chính ngôn thuận"?

Thi Cử Và Óc Địa-Phương

Một điều đáng để ý là tuy miền Bắc đông dân hơn miền Trung, nhà Nguyễn lấy nhiều cử nhân ở miền Trung hơn ở miền Bắc. Quả vậy, tổng-cộng số cử-nhân được lấy tại các trường thi ở 3 miền Bắc, Trung và Nam qua các triều vua nhà Nguyễn như dưới đây (4):

Thời gian		Số khoa	số cử nhân được tuyển		
			Bắc	Trung	Nam
Gia Long	1807-1819	3	142	87	12
Minh Mạng	1819-1864*	18	857	1060	234
	1864-1885#	11	460	735	10
Các triều kể	1887-1918**	6	962	1462	0
Cộng			2421	3344	252
Không kể miền Nam			42%	58%	

*Mất Nam kỳ, # mất Bắc kỳ, **khoa chót

Khi thi Hương, người quê ở miền nào thi ở miền ấy. Người quê ở Nam-định hay ở Ninh-bình thi ở trường thi Nam-định (xưa gọi là Son-nam), người quê ở Thanh-hóa thi ở trường thi Thanh-hóa v.v. Nếu người quê ở Nam-định đi thi ở Thanh-hóa mà đậu, thì dân Thanh-hóa sẽ mất một chỗ cử -nhân, tức mất một người được ra làm quan cai trị-dân (5).

Theo bảng trên, miền Nam có ít cử-nhân, vì có ít dân và có ít khoa thi: khoa đầu tiên là vào năm 1819, cuối triều Gia Long, ở trường thi

Gia Định. Năm 1861 không có khoa thi, vì có chiến tranh với Pháp. Khoa cuối cùng năm 1864, tổ chức ở An-giang vì Gia-định có loạn, Pháp tấn công muốn chiếm thêm 3 tỉnh miền Nam.

So sánh miền Bắc và miền Trung, thấy rằng thời Gia-Long, triều-đình lấy nhiều cử-nhân ở miền Bắc hơn ở miền Trung. Nhưng bắt đầu từ triều Minh-Mạng thì ngược lại, số cử-nhân được tuyển ở miền Trung nhiều hơn ở miền Bắc, tính tròn và không kể miền Nam, cứ 10 cử-nhân thì 6 ở miền Trung, chỉ có 4 ở miền Bắc.

Số người đậu tiến-sĩ cũng vậy. Thời Minh-Mạng, người Bắc đậu nhiều hơn người Trung, nhưng bắt đầu từ thời Thiệu-Trị trở đi thì ngược lại: 10 người đậu tiến-sĩ thì 6 người là miền Trung, 4 người là miền Bắc. Dùng tài liệu thấy trong cuốn Quốc Triều Đăng Khoa Lục (6), ghi tên và quê quán người đậu tiến-sĩ từng khoa một, tính theo phần trăm dưới mỗi triều vua, ra bảng tiếp đây:

Nguyên quán	Nguyên quán các TS triều Nguyễn (%)		
	Minh Mạng	Thiệu Trị	Tự Đức
	1822-41	1842-47	1848-62
Bắc	58	40	43
Trung	40	60	53
Nam	2 (1 người*)	0	4 (2 người)
Cộng	100%	100%	100%

* Đậu tiến-sĩ đầu tiên ở miền Nam là cụ Phan Thanh Giản, năm 1826. Miền Nam, có tất cả 3 tiến-sĩ..

Người miền Trung đậu nhiều hơn người miền Bắc. Như vậy, người Trung làm quan ra cai trị dân sẽ đông hơn người Bắc; và ở triều-đình, người Trung sẽ đông hơn người Bắc. Tại sao người miền Trung lại đậu nhiều hơn người miền Bắc?

Năm 1936, thời Pháp thuộc, có cuộc kiểm điểm dân số ở Việt Nam. Miền Bắc có 8,3 triệu dân, miền Trung có 6,0 triệu, miền Nam 4,7 triệu. Nghĩa là thời ấy miền Bắc đông dân hơn

miền Trung. Trước kia có lẽ cũng thế. Vậy lấy nhiều lấy ít cử nhân, tiến-sĩ ở mỗi miền không phải là vì dân số. Phải có lý do khác, bởi không lẽ dân miền Bắc dốt cả hay sao, hay dân miền Bắc không có truyền-thống đi học đi thi, mặc dù thi cử ở ngoài Bắc có từ triều Lý? Phải chăng bởi các lý do sau đây:

- Quốc-Tử -Giám (có nhiều sách và người dạy giỏi) đặt ở Huế?

- Số người không đậu cử -nhân mà cũng được phép đi thi Hội thi Đình ở Trung đông hơn ở Bắc?

- Vì miền Trung gần triều-đình hơn, vậy người miền này hiểu rõ tư-tưởng và đường lối chính-trị của triều-đình hơn, để trả lời các câu hỏi sao cho hợp ý người chấm bài? Tỷ-dụ đường lối của triều-đình khi có nạn ngoại xâm là hòa hơn chiến, mà từ Bắc vào thi không biết, lơ ngơ viết rằng chiến hơn hòa, thì chắc chắn là sẽ không được cưới ngựa vinh quy bái tổ, mà trái lại sẽ lùi thúi cuộc bộ 600 cây số về làng?



50. Trường thi - Champ de concours (le petit journal 1895)

Trường thi ngày xưa

- Vì nhà vua không tin người Bắc, bởi chúa Nguyễn xưa lập nghiệp ở miền Trung và không quên 200 năm Nam Bắc phân tranh?

Trên đây chỉ là những câu hỏi, luận con số suy sự-khien. Nêu vấn-đề lên vì nghĩ đến tình trạng nước Việt Nam sau tháng 4 năm 1975: chính quyền có tin người Việt miền Nam hay không, cả những người thuộc Mặt-Trận-Giải-Phóng miền Nam, và những dân "Ngụy", mà cho phép đi học rồi đi làm ăn lương Nhà Nước? Về phần con cháu "Ngụy", nếu về lý do "thành-phần" mà không được học đại học, không được tiến thân bằng công học hỏi thì đi học làm chi?

Văn chương "giống" Ngụy chẳng hay,

Làm nghề và lớp chữa giầy cho xong...

Không "về làng cũ học cây cho xong" vì ruộng vườn nay của "Nhà Nước" rồi. Không muốn vá lớp chữa giầy, bán thúng bán mẹt thì chỉ còn có giải-pháp là liều mạng vượt biên, trôi dạt đến đâu thì đến... Khi nói về học hành ở Việt Nam Xã Hội Chủ Nghĩa, sẽ bàn thêm về sự chênh-lệch giữa các địa phương.

Trong Xã Hội Việt Nam Ngày Xưa, Giới Sĩ Chỉ Biết Đi Làm Quan

Nhà vua tổ chức thi cử để tuyển người ra làm quan cai trị dân, hay dạy học cho dân, bảo trì văn hóa và các giá trị của xã hội Việt Nam:

- Tiến-sĩ được sơ bổ tri-phủ, tức quan hành-chính cai trị một địa hạt lớn, hay giữ một chức (to) nào đó ở triều đình (sơ bổ: ban chức đầu tiên khi bắt đầu đi làm).

- Phó-bảng được sơ bổ giáo-thụ (chức học quan).

- Cử-nhân được sơ bổ huấn-đạo, chức học quan bậc thấp hơn giáo-thụ. Dần dần lên chức, được bổ giáo-thụ, hoặc hơn nữa, được bổ tri-huyện, quan hành-chính cai trị một huyện, địa-hạt bé hơn và ít dân hơn địa hạt một phủ (có thời, phủ là một địa hạt gồm nhiều huyện, nhưng thật ra, người giữ chức tri-phủ không có quyền gì đối với người giữ chức tri-huyện, về sau này phủ chỉ là một địa hạt lớn hơn huyện, không có huyện nào thuộc một phủ cả).

- Tú-tài không được bổ ra làm quan, trừ trường hợp đặc-biệt (40 tuổi v.v.) Tú-tài chỉ được giữ chức nha lại dưới quyền một vị quan nào đó. Nhưng cũng như cử-nhân, tú-tài được miễn sưu dịch, không phải đóng thuế đinh, và không phải đi làm phu đắp đường đắp đê như thường dân.

Nguyên-tắc là thế, nhưng có nhiều người tuy đậu cử-nhân vẫn không được bổ vì triều đình chưa cần đến. Hoặc ngược lại, được bổ nhưng từ chối, không muốn đi làm quan, viện cớ cha mẹ già nua yếu đau, xin ở nhà để phụng dưỡng cho có hiếu. Sinh nhai bằng cách này cách khác: dạy học, chép sách, làm lang y, viết câu đối câu liễn cho ai cần khi có ma chay đình đám v.v. Hoặc nhà có ruộng, và có bà hiền thê tần tảo buôn bán ngược xuôi. Vì đã đỗ đạt, tuy không làm quan, không có phẩm tước gì, vẫn được làng xóm xã hội nể vì. Xã hội Việt Nam khinh người "trọc-phú", giàu nhưng không có chữ, nhưng bao giờ cũng trọng người đã đỗ đạt. Xã-hội Hán học trọng người có chữ, không những vì người ta đọc được sách, không phải làm việc nặng nhọc chân lấm tay bùn, mà cũng vì người ta biết thế nào là phải trái, biết lễ nghi, biết hưởng những vui thú của trí tuệ, biết thưởng thức cái hay cái đẹp, vì họ là người quân-tử, cũng như xã-hội Anh-cát-lợi trọng người "Gentleman" vậy.

Giới Sĩ Ít Tham Dự Vào Việc Công Thương.

Có một số kẻ sĩ bỏ công bỏ của ra khẩn hoang, tăng gia diện tích đất để canh tác, nhưng xem ra cũng không đông lắm, mặc dầu đất hoang ở miền Nam xưa kia có rất nhiều. Triều Minh-Mạng, sau khi Nguyễn-Công-Trứ tổ-chức xong việc khẩn hoang ở Thái-Bình và ở Ninh-Bình tại đồng bằng sông Hồng, không thấy nêu lên việc di dân vào khẩn hoang ở đồng bằng sông Cửu-Long. Miền Nam có rất nhiều đất màu mỡ mà dân cư xưa lại không đông, cho nên người Pháp mới chiếm miền Nam làm thuộc-địa, còn miền Trung và miền Bắc chỉ là xứ bảo-hộ, vì tại hai miền này người đông của hiếm. Tại sao không có ông tú ông cử ông nghè nào bỏ công bỏ của vào miền Nam lập đồn điền để thành đại điền-chủ, như người nhà Minh sau khi thua nhà Thanh, từ bên Tàu sang lập nghiệp ở nước ta vào thế kỷ thứ 17, tỷ dụ Mạc-Cửu lập nghiệp ở Hà-Tiên? Sau này, khi chiếm xong sáu tỉnh miền Nam, người Pháp đào kênh, khẩn hoang, kết quả là đại điền-chủ ở miền Nam có rất nhiều. Học Hán sử, chắc chắn các cụ khoa bảng khi xưa đều biết chuyện Phạm-Lãi giúp

vua nước Việt là Câu-Tiền trả thù giết được Phù-Sai vua nước Ngô, xong bỏ ra đi về miền biển ở Sơn-Đông, khẩn hoang, bán nông-sản làm giàu, xong rồi lại bỏ đi, cùng Tây-Thi ngao du ở nơi núi hồ tại tỉnh Vân-Nam (?!). Tại sao không có cụ Nghè Việt Nam nào nổi danh về việc làm tương tự?



Giám khảo

Công-nghệ, thương-mại cũng không thấy nói đến kẻ sĩ nào kinh doanh tham dự. Khi trong nước không có luật pháp che chở người kinh doanh, người có sáng-kiến về công-nghệ thương-mại dễ bị người có chức có quyền bắt nạt hà hiếp. Muốn được yên ổn làm ăn, thường phải cộng-tác với người có địa-vị cao trong xã-hội. Ngay ở bên Âu-châu, nước Anh-Cát-Lợi xưa có một người tên là Royce, giỏi máy móc cơ khí, nhưng chỉ là con một người làm nghề xay lúa mì thành bột, không có vốn không có vây cánh, cộng-tác với một hầu-tước tên là Rolls, chế ra ô-tô Rolls-Royce là loại ô-tô rất tốt rất đắt tiền. Chắc chắn rằng Việt Nam cũng có nhiều người có tài về công-nghệ thương mại mà không có vốn có thế, tại sao không có một bậc khoa bảng nào nổi danh vì đã cộng-tác với những người có tài loại ấy để cùng nhau làm to buôn lớn?

Ngoài việc theo lệnh vua đi sứ sang Tàu, cũng không thấy sử sách nào nói đến các ông cử ông nghè tự mình đi ra ngoài nước, tò mò xem cái mới cái lạ, cái hay cái dở của người khác, rồi về nhà viết Tây du ký, Đông du ký, Nam du ký v.v. Nguyễn Trường Tộ (1827-1871), người làng Bùi-Chu (Nghệ-An), theo đạo Công-giáo, được dịp sang thăm các nước Âu-Tây, trở về nước viết nhiều bản điều trình dâng vua và các đại thần, bàn định chương trình cải cách nước nhà. Vua Tự Đức thấy cũng hay, nhưng các quan to ở triều đình có óc giữ cái cũ, bãi bỏ tất cả. Trong khi ấy, vua Xiêm (Thái-Lan) đón một bà người Anh-quốc dạy con vua tiếng Anh, đón một người Mỹ dạy con vua khoa-học. Các cụ Hán-học chỉ biết đến Trung-Hoa, cũng như Việt Nam Xã Hội Chủ Nghĩa cách nay mấy năm chỉ biết đến Liên-Xô mà thôi?

Tạm Kết Luận Về Học và Hành Thời Hán Học.

Những Ưu Điểm:

- Học đạo làm người, trọng nhân nghĩa lễ trí tín, nghĩa là trọng cái tốt.
- Trọng cái đẹp, như câu thơ hay, lời văn nhịp nhàng, tư tưởng tế nhị.
- Trọng sự bình đẳng, triều đình không mở trường học vì không muốn đánh thuế nặng cho dân, nhưng ai cũng có quyền mở trường dạy học, ai cũng có quyền đi thi trừ trong một vài trường hợp (khai tam đại), có chí có tài thì có hy vọng đậu rồi tiến thân. Không có chuyện cha truyền con nối ngoại trừ con quan to thì được chức âm-sinh: âm-sinh có thể được bỏ ra làm quan tuy không đậu ông Cử ông Nghè, nhưng con âm-sinh nếu không đỗ đạt lại chỉ là bạch đình.
- Thầy dạy học được xã hội kính trọng, người học giỏi được xã hội nể vì. Do đó toàn dân đều hiếu học. Trẻ nhỏ coi được đi học là may, hiểu rằng cha mẹ đã phải hy-sinh để mình được ngày ngày cắp sách đến trường. Thái-độ đó ngày nay vẫn còn: riêng ở Pháp, sau năm 1975 có đông người Việt Nam, đầu năm học báo chí ghi rằng các giáo chức tranh nhau muốn

có học sinh Việt Nam vào lớp mình, đến nỗi bà hiệu trưởng phải cố ý chia cho đều, mỗi lớp có vài ba người. Học sinh Việt Nam lễ phép đối với thầy, chăm chỉ, trọng kỷ luật nhà trường, không phá học cụ của trường. Bên Mỹ cũng thế. Các nơi có dân Việt Nam cư ngụ đều thấy trình-độ học-vấn ở các trường học cao hẳn lên (7).

- Nhờ sự trọng đạo làm người, nhờ sự hiểu thấu tâm tâm nhân loại, không những ta có những áng văn chương tuyệt tác như Truyện Kiều, Chinh Phụ Ngâm Khúc, không kể bao nhiêu tác phẩm khác mà thế hệ nọ qua thế hệ kia, giàu nghèo ai cũng biết cũng thuộc. Và cũng nhờ thế mà có thể nói rằng, so sánh với nhiều xã hội khác, xã hội Việt Nam ôn hòa lịch thiệp, ít có những cuộc giết người tàn bạo dã man...

Những Khuyết Điểm:

- Giới nữ không được đi thi mà cũng ít khi được đi học. Như vậy là phí mất một nửa số người tài giỏi ở trong nước.

- Giới nam được đi học, nhưng có lẽ những người biết viết biết đọc có rất ít, tuy không có tài liệu chính xác về sự kiện này. 100 thiếu-niên bao nhiêu người được đi học? Học được bao nhiêu năm? Biết được bao nhiêu chữ? Đọc được những sách gì? Chữ Hán không như chữ quốc-ngữ, biết hơn hai chục chữ cái và biết đánh vần là có thể bập bẹ đọc được sách rồi, đọc mà hiểu hay không hiểu là tùy trí thông minh của mỗi trẻ. Chữ Hán phải học từng chữ một. Phải biết khoảng 3.000 hay 4.000 chữ mới đọc được sách, đọc và hiểu, vì văn-phạm Tàu không được rõ ràng cho lắm.

- Giấy đất, sách hiếm vì khắc bản gỗ in sách rất tốn công tốn của. Biết đọc cũng chẳng có nhiều sách mà đọc. Báo chí ngày xưa không có, vì kỹ thuật in thô sơ và giao thông chậm trễ.

- Nội-dung những điều được học cũng như nội-dung các sách hướng về quá khứ, ít hướng về hiện tại và tương lai. Trong tư-tưởng Hán học, cái tuyệt-hảo thuộc về đời xưa: thơ cổ, văn cổ, vua Nghiêu vua Thuấn... Người Âu-Tây,

đặc-biệt người Do-Thái, trái lại cho rằng cái tuyệt-hảo chưa đạt được, nghĩa là còn phải cố gắng đi tìm: tỷ-dụ như trong tôn-giáo tín-ngưỡng, đối với người theo đạo Thiên-Chúa, vị Chúa cứu thế là Giê-Su đã hiện ra rồi, nhưng đối với người Do -Thái, vị Chúa cứu thế ấy (Messiah, messie) vẫn chưa đến. Phải chăng vì thế người ta lạc-quan hơn, tin tưởng vào tương-



Những thí sinh thi đậu tại trường thi Nam Định

lai hơn, và sáng chế cái mới nhiều hơn?

- Hán học không có sách kỹ thuật và khoa học, vì Trung-Hoa cổ điển không có hai môn này. Dạy hai môn này cần nhiều học-cụ dụng-cụ, tốn tiền hơn dạy chữ, các phòng thực tập, phòng thử nghiệm đều rất đắt tiền.

- Ngoài quan-trường, nghề dạy học hay nghề lang-y, người có học cũng chẳng làm được việc gì khác. Nước chỉ có từng này địa-hạt, triều-đình chỉ có từng này chức-vụ, cho nên số cử nhân tiến-sĩ bắt buộc phải có hạn: 3 năm mới có một khoa thi, mỗi khoa chỉ lấy từng này người. Học hành thi cử không hướng về ngành hoạt-động khác như công-nghệ thương-mại tài-chính, nghĩa là những hoạt-động kinh-tế, thì phạm-vi hành sự của người có học bắt buộc phải nhỏ hẹp.

- Đi thi không có hạn tuổi, cao tuổi cũng vẫn được đi thi, cho nên đã đi học thì chỉ biết đi thi, hồng khoa này thi khoa khác, con đường khoa bảng lấy hết năm tháng, lấy hết nghị-lực của kẻ sĩ. Rất nhiều kẻ sĩ khi có được tên trên bảng vàng thì tinh-thần cũng đã kiệt-quệ, không còn sức, không thích làm gì khác nữa, chỉ muốn

ngôi ghế cao để người ta tôn trọng mình mà thôi... Nếu có hạn tuổi, hay nếu mỗi người chỉ được phép đi thi bằng này khoa, tỷ dụ 2 hay 3 khoa (3 năm mới có 1 khoa), xã-hội Việt Nam có thể chuyển sang một hướng khác, và tiến nhanh hơn về nhiều phương diện, có lẽ vậy chăng (8)?

Trên đây là nói chuyện ngày xưa. Ngày nay thì ra sao?

Ghi Chú

(1) Trần Trọng Kim, "Nho Giáo", Nhà xuất bản Tân Việt

(2) Đặng Hữu Thu, "Làng Hành Thiện Và Các Nhà Nho Hành-Thiện Triều Nguyễn", Paris 1992, Tác giả tự xuất bản.

(3) Trong tiểu thuyết "Lều Chõng", tác-giả Ngô Tất Tố kể chuyện 1 khoa thi hương ở Hà Nội, nhưng không nói vào thời nào. Tác-giả kể rằng kỳ đầu thi Kinh Nghĩa, kỳ 2 thi Thi Phú, kỳ 3 thi Văn Sách, kỳ 4 là Phúc Hạch. Theo bảng 1, trang 8, khoa ấy phải là vào những năm Pháp thuộc (1886-1906). Nhưng trường thi Hà Nội khi ấy đã dẹp rồi, vì từ khi nước ta thành Pháp thuộc, Hà Nội là nhượng địa. Ở Hà Nội, Phó Trường Thi, Viện Radium, Thư Viện Trung Ương xây trên đất trường thi cũ. Vậy nơi thi không thể ở Hà Nội, mà phải là ở Nam-Định...

(4) Đặng Hữu Thu, sách đã dẫn. Nguồn các con số người đậu cử nhân: Cao-Xuân-Dục, "Quốc Triều Hương Khoa Lục"

(5) Trong tiểu thuyết "Lều Chõng", trường thi là Hà Nội, nhưng có 1 người quê ở làng Đông-Xâm (phủ Kiến Xương) và 1 người quê ở làng Hành-Thiện (huyện Giao Thủy) cũng đi thi ở đây. Đứng ra, cả 2 đều phải thi ở Nam Định.

(6) "Quốc Triều Đăng Khoa Lục", Trung Tâm Học Liệu, Bộ Quốc Gia Giáo Dục xuất bản, Sài Gòn, 1968

(7) Đã lâu lắm, vào khoảng 1961, báo chí Mỹ có nói đến cuộc đo lường trình-độ học hiểu và trí tuệ của học sinh ở thành-phố New York bên Mỹ, do một giáo sư đại học nào đấy làm. Đại lược kết quả cuộc tìm tòi nhớ mang máng như sau: thời đó, người Á -Đông (tức người Trung Hoa, vì ở New York chưa có đông người Nhật-

Bản, Đài -Loan, Nam-Hàn, Việt Nam v.v.) trung bình có chỉ-số thông-minh (IQ, Intelligence Quotient) cao, lên đến 108 chi đó (chỉ số trung bình của người da trắng là 100), cao hơn cả của người Do Thái (106). Bài báo tường-thuật chuyện đó, và việc làm của giáo-sư nói trên, đều bị công-kích nặng, vì đưa đến sự "kỳ thị chủng tộc". Mới đây lại có một cuốn sách xuất bản ở Mỹ (Charles Murray & Richard Herstein, "The Bell Curve", The Free Press, 845 trang) , cũng lại nói rằng chỉ-số thông minh mỗi chủng tộc một khác, tỷ dụ người da vàng hơn nhiều người... Cuốn sách này cũng bị công-kích nặng.

(8) Đọc tên tuổi 80 người đậu cử nhân ở Bắc-kỳ năm 1897 tại trường thi Nam-Định (nguồn: Đặng Hữu Thu, sách đã dẫn) thấy có 6 người tức 8 phần trăm dưới 25 tuổi, và 17 người (20 phần trăm) 40 tuổi hay già hơn nữa. Tuổi trung bình : 33 tuổi. Theo sách Quốc Triều Đăng Khoa Lục (sách đã dẫn) trong 48 khoa thi tiến sĩ từ năm 1694 (triều Lê) đến năm 1862 (triều Tự Đức), gần như không có ai trên 50 tuổi mà đậu tiến-sĩ. Tuổi trung bình khi đậu tiến sĩ là 33 tuổi rưỡi. Tuổi trung bình người đậu cao nhất mỗi khoa là 32 tuổi; của người già nhất là 43 tuổi; của người trẻ nhất là 24 tuổi. Vẫn biết rằng: 1/ tuổi đây là tuổi ta; 2/ ngày xưa các cụ thường khai thêm 1 hay 2 hay 3 tuổi khi đi thi, vì nếu có 2 người có số điểm bằng nhau, thì người nhiều tuổi hơn được xếp hàng trên, người ít tuổi hơn xếp hàng dưới. Nhưng dù sao, những con số trên chứng minh rằng thời Hán học, dân ta quá đề cao và tôn trọng khoa bảng, trên 40 tuổi vẫn cố đi thi, 2 phần 3 cuộc đời là để đi học đi thi. Học xong thì còn độ 15-20 năm nữa là đời tàn rồi, vì thời xưa ít người sống được nhiều năm... Nếu triều Nguyễn định rằng thi hương dành cho những người từ 20 đến 32 tuổi, thi hội thi đình cho những người từ 20 đến 36 tuổi, và không ai được thi quá 3 lần, đại khái như vậy, thì có lẽ xã-hội Việt Nam cũng đã đổi thay chút ít rồi chăng?